

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2020

V/v: TrA chấp ly hôn giữa chị D và A T.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Diễn;

2. Bà Trần Thị Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2019 về trA chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 02/12/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim D, sinh năm 1985, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Hương Vinh, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* A Trần Thắng T (tên gọi khác: Trần Thắng N), sinh năm 1981, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Hương Vinh, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI D V U ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 17/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Thắng T (tên gọi khác: Trần Thắng N) kết hôn ngày 03/01/2007, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND

thị trấn G. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 02/2019 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp và tôn trọng nhau. Đến tháng 9/ 2019, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thái A, sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Thu G, sinh ngày 23/9/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh đang ở với cả hai bên.

Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu G và nhất trí giao cháu A cho anh T nuôi dưỡng (Tuy nhiên, về mong muốn thì chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung). Hai bên được có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi dưỡng con chung. Hiện chị đang làm Giáo viên Trường Tiểu học thị trấn G, thu nhập 6.430.000 đ/tháng (chị đã giao nộp cho Tòa án Bảng lương để làm căn cứ).

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Ngoài ra, chị không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Thắng T (tên gọi khác: Trần Thắng N) trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Tại phiên tòa anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung, quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Hiện các cháu khỏe mạnh đang ở với cả hai bên.

Ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng cháu A và nhất trí giao cháu G cho chị D nuôi dưỡng (Tuy nhiên, về mong muốn thì anh cũng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung). Hai bên được có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi dưỡng con chung. Hiện anh đang làm Công ty thức ăn chăn nuôi Việt Hàn thu nhập bình quân khoảng trên 20.000.000 đồng/tháng (anh chỉ có lời trình bày, chứ

không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ).

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản:* Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Ngoài ra, anh không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th□ ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị:

+ *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T.

+ *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu G cho chị D nuôi dưỡng; cháu A cho A T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+ *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+ *Về án phí:* Buộc chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[2. *Về hôn nhân:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim D và anh Trần Thắng T (tên gọi khác: Trần Thắng N) được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, tại phiên tòa hai bên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn, nên cần công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.]

[2. *Về nuôi con chung*: Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Tuy, các con chung có nguyện vọng xin được ở với chị D, nhưng do các cháu vẫn còn ít tuổi nên chưa nhận thức được đầy đủ và chỉ là do cảm tính; ngoài ra, chị D cũng nhất trí giao cháu A cho anh T nuôi dưỡng và anh T cũng nhất trí giao cháu G cho chị D nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và điều kiện nuôi con của hai bên, do đó cần giao con chung là cháu G cho chị D nuôi dưỡng; cháu A cho anh T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.]

[3. *Về chia tài sản*: Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[4. *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.]

[5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim D và anh Trần Thắng T (tên gọi khác: Trần Thắng N).

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung là cháu Trần Thu G, sinh ngày 23/9/2012 cho chị D nuôi dưỡng; cháu Trần Thái A, sinh ngày 15/8/2007 cho anh T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

*. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

số AA/2015/0001679 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*. *Về quyền kháng cáo*: Bảo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Gia Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Tuyên
(đã ký)**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Diễn Trần Thị Lịch

Nguyễn Văn Tuyển